

Số **08** /2008/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày **05** tháng 5 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính
phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHOÁ XI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Căn cứ Quy chế hoạt động của HĐND ban hành kèm theo Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/04/2005 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá XI;

Căn cứ Nghị quyết số 1157/NQ-UBTVQH11 ngày 10/07/2007 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc “Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các Ban của UBTVQH, Văn phòng Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội”;

Căn cứ Thông tư số 127/2007/TT-BTC ngày 31/10/2007 của Bộ Tài chính về việc “Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21/03/2007 và Thông tư số 57/2007/TT-BTC ngày 11/06/2007 của Bộ Tài chính”;

Xét Tờ trình số 13/TTr-UBND ngày 16/4/2008 của UBND tỉnh về việc Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh, ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động HĐND các cấp tỉnh Thái Nguyên.

(Có bản định mức chi tiết kèm theo)

Điều 2. Ngoài các nội dung về chế độ và mức chi theo định mức quy định tại Nghị quyết này, các chế độ, chính sách khác đối với đại biểu HĐND các cấp được thực hiện theo các Quy định hiện hành của Nhà nước và của địa phương.

Điều 3. Thường trực HĐND các cấp chỉ đạo Văn phòng căn cứ vào chế độ, định mức chi tại Nghị quyết này, hàng năm lập dự toán kinh phí hoạt động của HĐND cấp mình thống nhất với cơ quan tài chính để báo cáo HĐND cùng cấp quyết định.

Điều 4. Giao UBND tỉnh hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Giao Thường trực HĐND, Ban Kinh tế và Ngân sách, các Ban của HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XI, kỳ họp chuyên đề lần thứ 2 thông qua ngày 03 tháng 5 năm 2008./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tư pháp (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Kiểm toán Nhà nước (Báo cáo);
- TT Tỉnh uỷ (Báo cáo);
- Các đại biểu HĐND tỉnh TN khoá XI;
- UBND tỉnh; UB MTTQ tỉnh Thái Nguyên;
- Đoàn ĐBQH khoá XII tỉnh Thái Nguyên;
- Toà án nhân dân tỉnh, Viện KSND tỉnh;
- VP Tỉnh uỷ, VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND và UBND các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh;
- LĐVP, LĐ các phòng, các CV HDND tỉnh;
- Công báo tỉnh và Báo Thái Nguyên (để đăng);
- Lưu: VP, VT-TH HĐND. *[Handwritten mark]*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vượng




PHỤ BIỂU

**Quy định chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ
Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
(Kèm theo Nghị quyết số 08/2008/NQ-HĐND ngày 05/5/2008
của HĐND tỉnh Thái Nguyên)**

DVT: Đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Chế độ, định mức chi tiêu tài chính		
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp huyện, Thành phố, thị xã	HĐND cấp xã
I	Chế độ chi phục vụ các kỳ họp HĐND				
1	Tiền ngủ: Do Văn phòng HĐND thanh toán theo chế độ nhà nước quy định				
2	Hỗ trợ tiền ăn: - Đại biểu HĐND - Đại biểu mời dự kỳ họp (Có giấy mời)	Ngày/người	50.000 40.000	40.000 30.000	30.000 20.000
3	Bồi dưỡng chủ tọa kỳ họp	Ngày/người	100.000	70.000	40.000
4	Bồi dưỡng thư ký kỳ họp	Ngày/người	70.000	50.000	30.000
5	Soạn thảo các công văn, báo cáo, tờ trình, thông báo và các văn bản khác của Đảng đoàn HĐND	1 Văn bản	100.000	0	0
II	Chi cho công tác thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình và dự thảo Nghị quyết kỳ họp				
1	Soạn thảo và hoàn chỉnh báo cáo thẩm tra	1 Báo cáo (Đề án, nghị quyết)	200.000	100.000	0
2	Hội nghị thẩm tra - Người chủ trì - Các thành viên, đại biểu mời (có giấy mời) - Cán bộ phục vụ trực tiếp	Người/buổi	70.000 50.000 30.000	50.000 30.000 15.000	0 0 0

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Chế độ, định mức chi tiêu tài chính		
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp huyện, Thành phố, thị xã	HĐND cấp xã
III	Chi cho các hoạt động giám sát				
1	Xây dựng chương trình, đề cương giám sát - Giám sát chuyên đề - Giám sát thường xuyên	1 Cuộc	100.000 50.000	50.000 30.000	0 20.000
2	Chi bồi dưỡng cho các thành viên đoàn giám sát - Chủ trì cuộc họp - Các thành phần tham gia (có giấy mời) - Người phục vụ trực tiếp	Người/buổi	70.000 50.000 30.000	50.000 30.000 20.000	30.000 20.000 15.000
3	Xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả giám sát (hoặc thông báo giám sát)	Báo cáo	200.000	100.000	50.000
4	Chi hoạt động khảo sát bằng 1/2 chi hoạt động giám sát				
IV	Chi hoạt động tiếp xúc cử tri				
1	Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri	1 điểm tiếp xúc cử tri	200.000	100.000	50.000
2	Chi bồi dưỡng cho các thành phần tham gia tiếp xúc cử tri - Đại biểu HĐND, các ngành, đoàn thể (theo giấy mời) - Cán bộ phục vụ trực tiếp	Người/buổi	40.000 30.000	30.000 20.000	20.000 10.000
3	Lập, hoàn chỉnh báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri trình kỳ họp.	Báo cáo	200.000	100.000	50.000



STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Chế độ, định mức chi tiêu tài chính		
			HĐND cấp tỉnh	HĐND cấp huyện, Thành phố, thị xã	HĐND cấp xã
V	Chi bồi dưỡng lấy ý kiến tham gia dự án luật, pháp lệnh				
1	Chi cho tổ chức, cá nhân góp ý bằng văn bản	1 Luật, dự án, pháp lệnh	100.000	0	0
2	Chi bồi dưỡng người họp tham gia lấy ý kiến	Người/buổi			
	- Người chủ trì		70.000	0	0
	- Các thành viên, người dự họp		50.000	0	0
	- Cán bộ phục vụ trực tiếp		30.000	0	0
	- Tổng hợp, viết báo cáo	Báo cáo	200.000	0	0
VI	Chi khoán báo chí cho đại biểu HĐND (báo người đại biểu Nhân dân)	Tháng/ người	75.000	75.000	75.000
VII	Chi thăm hỏi ốm đau, tang lễ (đại biểu HĐND)	Lần/ thăm hỏi	200.000	150.000	100.000
VIII	Chi hỗ trợ may trang phục	1 nhiệm kỳ			
	- Chi cho đại biểu HĐND		2.000.000	1.500.000	1.000.000
	- Chi cho cán bộ văn phòng phục vụ trực tiếp hoạt động của HĐND		1.500.000	1.000.000	500.000

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN